



This project is funded by  
the European Union



# HỘI THẢO

## THAM VẤN VỀ CÁC TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU-VIỆT NAM (EVFTA) ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

**Hà Nội, ngày 2 tháng 11 năm 2017**

Quan điểm trong bài trình bày là của tác giả, không phản ánh ý kiến chính thức của Liên minh châu Âu hay của Bộ Công Thương

**Ý NGHĨA CỦA HIỆP ĐỊNH  
MẬU DỊCH TỰ DO VIỆT NAM-EU  
ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM**

*Trương Đình Tuyển*

## **I. Các tiêu chí đánh giá.**

Để đánh giá ý nghĩa của FTA VN-EU, cần xem xét các tiêu chí sau đây:

1. Vị thế của đối tác,
2. Tác động đến tiến trình xây dựng thể chế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế,
3. Tác động đến tăng trưởng thông qua thu hút đầu tư và mở rộng xuất khẩu.

# Tiêu chí thứ nhất:

## Tổng quan về Liên minh Châu Âu (EU) và quan hệ Việt Nam-EU

### I. Tổng quan về Liên minh Châu Âu (EU)

- EU là một liên minh kinh tế bao gồm 28 nước thành viên, (cho đến khi Vương Quốc Anh chưa kết thúc đàm phán với EU về việc nước này rời khỏi EU) tổng diện tích không 4,4 triệu km<sup>2</sup>, dân số 508 triệu người.
- Không chỉ các yếu tố sản xuất (hàng hóa, vốn, lao động di chuyển tự do giữa các nước thành viên, liên minh còn xây dựng và thực thi một chính sách chung trong nhiều lĩnh vực cụ thể như thương mại, nông nghiệp, ngư nghiệp, tiêu chuẩn sản phẩm, TBT, SPS...đồng thời xây dựng chính sách kinh tế chung toàn Liên minh bằng việc hài hòa chính sách tài khóa và tiền tệ giữa các quốc gia thành viên.
- -Là một thực thể kinh tế, EU là nền kinh tế lớn nhất thế giới với GDP khoảng 18.000 tỷ USD

## II. Quan hệ Việt Nam-EU:

### 1. Tiến trình phát triển quan hệ Việt Nam EU

-1990: Việt Nam và EU thiết lập quan hệ ngoại giao.

-1992: ký Hiệp định dệt may.

-1995: ký Hiệp định khung hợp tác.

-Năm 2004: Việt Nam và EU kết thúc đàm phán song phương giữa hai bên về Việt Nam gia nhập WTO. EU là một trong những đối tác sớm kết thúc đàm phán với Việt Nam và là đối tác kết thúc sớm nhất trong số các đối tác lớn (EU, Nhật Bản, Trung Quốc Hoa kỳ) có tiếng nói quan trọng trong đàm phán gia nhập WTO, tạo điều kiện để Việt Nam đẩy nhanh việc kết thúc đàm phán với các đối tác khác.

-2005: EU bỏ hạn ngạch XK dệt may cho Việt Nam, dù lúc đó Việt Nam chưa là thành viên WTO.

Cũng trong năm này, Việt Nam thông qua đề án tổng thể phát triển quan hệ Việt Nam-EU, hướng tới đàm phán và ký kết một FTA toàn diện, chất lượng cao giữa hai bên

-Năm 2008: khởi động đàm phán Hiệp định đối tác và hợp tác toàn diện Việt Nam-EU và tháng 6/2012 ký hiệp định này, tạo cơ sở chính trị cho việc đàm phán FTA.

## 2. Quan hệ kinh tế Việt Nam-EU

EU là đối tác kinh tế hàng đầu của Việt Nam.

-Về thương mại:

+Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU liên tục tăng và từ năm 2010 đến 2015 (trừ năm 2009). Năm 2015 Việt Nam XK vào EU EU30 tỷ 900 triệu USD .Nhìn chung, tính bình quân, EU chiếm 19% thị phần XK của Việt Nam, chỉ sau Hoa Kỳ (21%) và vượt xa các thị trường lớn khác. Riêng các năm 2012, 2013, EU là thị trường XK lớn nhất của Việt Nam và lớn hơn cả Hoa Kỳ.

+Nhập khẩu của Việt Nam từ EU cũng tăng liên tục từ năm 2003 đến năm 2015 nhưng tốc độ tăng chậm hơn, từ 2,5 tỷ USD năm 2003 lên 10,3 tỷ USD năm 2015 và chỉ chiếm 6% tổng kim ngạch NK của Việt Nam. (tuy nhiên vẫn cao hơn Hoa Kỳ (5%). Như vậy, Việt Nam luôn xuất siêu vào EU, năm 2015 xuất siêu 2,06 tỷ USD.

-Đầu tư: EU là nhà đầu tư lớn của Việt Nam.

Tính đến 31 tháng 12/2016, EU đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam 2142 dự án với tổng số vốn là 43,922 tỷ USD.

-Hợp tác phát triển: EU là nhà tài trợ ODA lớn thứ 2 cho Việt Nam, trong đó trên 40% là viện trợ không hoàn lại.

***Như vậy, xét theo tiêu chí thứ nhất, EU là đối tác có vị thế rất quan trọng, tác động lớn đến sự phát triển của Việt Nam.***

## **Tiêu chí thứ hai:**

**Tác động đến tiến trình xây dựng thể chế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế.**

Với những cam kết sâu rộng về mở cửa thị trường cả về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, và đầu tư; bảo đảm các yếu tố của quá trình tái sản xuất hàng hóa và dịch vụ dịch chuyển tự do hơn giữa các thành viên tham gia Hiệp định; đề cao sự minh bạch, tính ổn định, có thể tiên liệu được về luật pháp và chính sách kinh tế và các cam kết về thể chế kinh tế theo nguyên tắc thị trường, trong đó có chính sách cạnh tranh và những ràng buộc về hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo nguyên tắc thị trường, FTA VN-EU có tác động quan trọng đến tiến trình xây dựng thể chế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế.

Hơn nữa, FTA có chương: Phát triển bền vững để giải quyết những thách thức mà loài người phải đối mặt như biến đổi khí hậu, việc tận khai các tài nguyên không tái tạo được, giải quyết những yêu cầu bảo vệ người lao động theo các nguyên tắc cơ bản của ILO, bảo đảm phát triển bền vững.



## **Tiêu chí thứ ba:**

### **Tác động đến tăng trưởng thông qua thu hút đầu tư và mở rộng xuất khẩu.**

#### **1. Tác động đến thu hút đầu tư:**

Như trên đã trình bày, khi chưa có FTA VN-EU, EU gồm 28 thành viên đã là nhà đầu tư thuộc top đầu của Việt Nam. Với các kết mở của thị trường sâu rộng về đầu tư cả đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất và phi sản xuất (dịch vụ), lại được ràng buộc bởi những cam kết về bảo hộ sở hữu trí tuệ, FTA VN-EU sẽ tạo ra động lực mới cho việc thu hút đầu tư của các doanh nghiệp EU vào Việt Nam.

#### **2. Tác động đến xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU.**

Trước khi có FTA VN-EU, EU đã là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai (sau Hoa Kỳ) của VN.

Với mức cắt giảm thuế theo nguyên tắc 7/10, theo đó EU sẽ xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam tới đa trong vòng 7 năm theo các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm và sau 7 năm. Việt Nam sẽ xóa bỏ hoàn toàn sau 10 năm với các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm, sau 7 năm và sau 10 năm.

Trong thực tế đàm phán, một số giòng thuế của cả hai bên có lộ trình dài hơn tuy nhiên EU vẫn là bên có lộ trình loại bỏ nhanh hơn, trong đó có nhiều sản phẩm là thế mạnh XK của Việt Nam được loại bỏ hoàn toàn ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc với lộ trình ngắn. Điều này sẽ tạo xung lực mới cho XK của Việt Nam vào thị trường các thành viên EU.

***FTA Việt Nam –EU càng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam khi Hoa Kỳ rút khỏi Hiệp định TPP.***

## **Phần thứ hai:**

### **Hiệp định mậu dịch tự do Việt Nam-EU Những nội dung doanh nghiệp cần lưu ý:**

FTA Việt Nam-EU gồm 16 chương, bao quát toàn diện các nội dung cam kết.

Các doanh nghiệp có thể đọc toàn văn Hiệp định đã được Bộ Công Thương công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ. iên quan đến nhiều DN dù hoạt động trong một lĩnh vực cụ thể nhưng phải hiểu các nội dung liên quan và những nội dung có tính đặc thù doanh nghiệp cần lưu ý. Ở đây chỉ nêu một số nội dung chính:

# A. THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA

## I. Thuế quan

Trong EVFTA, hai bên thống nhất lấy mức thuế MFN áp dụng vào ngày 26/6/2012 làm mức thuế cơ sở để thực hiện cắt giảm theo lộ trình cam kết.

*Tuy nhiên, nếu thực hiện lộ trình cắt giảm theo mức thuế cơ sở mà mốc tính toán là ngày 26/6/2012 cao hơn thuế GSP thì sẽ được lấy theo GSP làm mốc. Đây là điều DN cần lưu ý để tính giá XK, giá NK và kiểm tra việc tính thuế của Hải quan.*

Cùng với việc cắt giảm thuế NK, HĐ cũng quy định lộ trình cắt giảm thuế XK. Điều này làm tính cạnh tranh về giá tăng lên . *Đây cũng là cơ hội cho các DN.*

Cùng với việc cắt giảm thuế NK, HĐ cũng quy định lộ trình cắt giảm thuế XK. Điều này làm tính cạnh tranh về giá tăng lên . *Đây cũng là cơ hội cho các DN.*

***Tỷ lệ cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu***

***Bảng 01: Tỷ lệ cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu***

	<b>Cam kết của EU</b>	<b>Cam kết của Việt Nam</b>
Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực	85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU	48,5% số dòng thuế, tương đương 64,5% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam
Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm	99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU	91,8% số dòng thuế, tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam
Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm		98,3% số dòng thuế, tương đương 99,8% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam
Tỷ lệ còn lại không xóa bỏ thuế quan	Đối với khoảng 0,8% số dòng thuế còn lại, EU dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%	Khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của Việt Nam gồm các mặt hàng có hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO, một số mặt hàng có lộ trình xóa bỏ đặc biệt hơn (như thuốc lá, xăng dầu, bia, CKD)

<b>Ký hiệu</b>	<b>Diễn giải lộ trình cam kết</b>
Thuế suất cơ sở	Là mức thuế suất ban đầu, làm cơ sở để mỗi năm tiếp tục cắt giảm từ mức thuế đó. Trong Hiệp định EVFTA, Việt Nam và EU thống nhất lấy mức thuế MFN ngày 26 tháng 6 năm 2012 làm thuế suất cơ sở
A	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực
B3	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ sau 4 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực
B5	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ sau 6 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực
B7	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ sau 8 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực
B9	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ sau 10 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực
B10	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ sau 11 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực
B10*, B10**	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ sau 11 lần cắt giảm theo lộ trình cụ thể quy định trong Hiệp định, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực
B10-in quota	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ sau 11 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực và chỉ được áp dụng cho lượng nhập khẩu trong hạn ngạch
B15	Thuế suất cơ sở được xóa bỏ sau 16 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực
A+EP	Thuế suất cơ sở theo giá trị hàng hóa (đơn vị %) sẽ được xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Mức thuế tuyệt đối vẫn được duy trì theo quy định của EU về giá tiếp cận thị trường
R75	Thuế suất cơ sở được cắt giảm theo lộ trình cụ thể quy định trong Hiệp định
CKD	Là các dòng CKD ô tô. Việt Nam không cam kết về thuế nhập khẩu đối với các dòng này mà sẽ áp thuế theo quy định trong nước
TRQ	Là các dòng thuế EU dành riêng hạn ngạch thuế quan cho Việt Nam với mức thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%

## **Cam kết ở các sản phẩm cụ thể.**

### 1.1.NHÓM HÀNG NÔNG-THỦY SẢN

(i) Thủy sản (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên):

- Việt Nam hiện xuất khẩu thủy hải sản sang EU với trị giá khoảng 1.060 triệu USD (năm 2015).



- Trong nhóm **thủy sản**:
- + Khoảng 50% số dòng thuế sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Mức thuế cơ sở hiện hành của EU đối với nhóm này dao động trong khoảng từ 0-22%; trong đó phần lớn vẫn phải chịu thuế suất cao từ 6-22%.
- + Khoảng 50% số dòng thuế còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau từ 3 năm đến 7 năm tùy mặt hàng. Trong đó, 86,5% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu trong vòng 3 năm, 90,3% trong vòng 5 năm và 100% trong vòng 7 năm. Mức thuế cơ sở của EU dao động từ 5,5% đến 26%.
- + Riêng với cá ngừ đóng hộp và cá viên, EU dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan lần lượt là 11.500 tấn và 500 tấn.

**(ii) Gạo:**

Gạo Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU sẽ thông qua cơ chế hạn ngạch thuế quan, trong đó, lượng nhập khẩu trong hạn ngạch sẽ được hưởng mức thuế 0%. EU dành riêng cho Việt Nam tổng hạn ngạch 80.000 tấn, trong đó lượng hạn ngạch đối với từng loại gạo cụ thể như sau:

Khối lượng trên là khá lớn so với lượng xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang EU trong 3 năm 2011-2013 là 28.000 tấn/năm.

Ngoài ra, EU sẽ xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu đối với gạo tằm sau 5 năm và đối với các sản phẩm từ gạo sau 3-5 năm.

**(iii) Cà phê:**

Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu hơn 1.155 triệu USD giá trị cà phê sang EU. Mức thuế cơ sở của EU dao động từ 0-11,5%. EU sẽ xóa bỏ thuế xuất khẩu cho cà phê Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

(iv) **Hạt tiêu, hạt điều:**

Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu hạt tiêu và hạt điều sang EU với giá trị lần lượt là 268 triệu USD và 572 triệu USD. Thuế suất cơ sở của EU đối với hạt điều đã là 0% và đối với hạt tiêu là 0-4%. EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 2 mặt hàng này ngay khi Hiệp định có hiệu lực

(v) **Đường:** EU dành riêng cho Việt Nam hạn ngạch 10.000 tấn đường trắng và 10.000 tấn sản phẩm chứa trên 80% đường. Thuế suất cơ sở EU đang áp dụng dao động từ 33,9-41,9 Eur/100 kg.

(vi) **Mật ong tự nhiên:**

Thuế suất cơ sở của EU là 17,3% và sẽ được xóa bỏ hoàn toàn ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

(vii) Toàn bộ các sản phẩm **rau củ quả tươi và chế biến, nước hoa quả, hoa tươi** đều được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các mặt hàng này đang có thuế suất cơ sở cao nhất khoảng 20%.

(viii) **Các nông sản khác:**

EU dành riêng hạn ngạch thuế quan cho một số mặt hàng khác của Việt Nam như trứng, tỏi, nấm, ngô ngọt, tinh bột sắn, v.v. Doanh nghiệp có thể tham khảo toàn bộ cam kết về hạn ngạch thuế quan mà EU dành cho Việt Nam trong bảng dưới đây:

<b>Mặt hàng</b>	<b>Lượng hạn ngạch (tấn)</b>
Trứng gia cầm đã qua chế biến	500
Tỏi	400
Ngô ngọt	5.000
Gạo chưa xay xát	20.000
Gạo xay xát	30.000
Gạo thơm	30.000
Tinh bột sắn	30.000
Cá ngừ đóng hộp	11.500
Cá viên (Surimi)	500
Đường và các sản phẩm chứa hàm lượng đường cao	20.400
Nấm	350
Cồn etylic	1.000
Một số sản phẩm hóa chất (manitol, sorbitol, dextrans, v.v.)	2.000

## **NHÓM HÀNG CÔNG NGHIỆP**

### **(i) Dệt may**

- Đây là một trong những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang EU với kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng đáng kể, từ khoảng 1,5 tỷ USD năm 2007 lên gần 3,5 tỷ USD năm 2015.

- Trong nhóm hàng dệt may:

+ 42,5% số dòng thuế đang có thuế suất cơ sở từ 8-12% và sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

+ Các sản phẩm dệt may còn lại cũng có mức thuế suất cơ sở tương tự như trên, sẽ được xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu theo lộ trình từ 3 năm đến 7 năm. Với cam kết của EU, trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, 77,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu và 22,7% kim ngạch còn lại sẽ được xóa bỏ sau 7 năm.

## (ii) Giày dép

- - Giày dép cũng là một trong số các mặt hàng xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam sang thị trường EU, từ 2,1 tỷ USD lên 4 tỷ USD.

- Trong nhóm giày dép:

- + Khoảng 37% số dòng thuế, tương đương 42,1% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, đang có thuế suất cơ sở từ 3,5-17% và sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

- + Các sản phẩm còn lại cũng có thuế suất cơ sở từ 5-17% và toàn bộ sẽ được đưa về 0% sau từ 3 đến 7 năm. Theo tính toán, sau 3 năm và 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, tỷ lệ xóa bỏ thuế nhập khẩu của EU sẽ lần lượt là 73,2% và 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

## (iii) Gỗ và sản phẩm gỗ

- Năm 2015, EU nhập khẩu khoảng 740 triệu USD giá trị gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam.

- Đối với khoảng 83% số dòng thuế trong nhóm này (trong đó có các sản phẩm gỗ), thuế suất cơ sở của EU không quá cao, từ 0-6% và sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Khoảng 17% còn lại, gồm ván dăm, ván sợi và gỗ dán, đang có thuế cơ sở từ 6-10% và sẽ được tự do hóa hoàn toàn sau tối đa 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

(iv) **Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện**

- Đây dự kiến là nhóm sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu lớn sang EU với lượng giá trị xuất khẩu tăng trưởng ấn tượng, từ hơn 400 triệu USD năm 2007 lên gần 2,8 tỷ USD năm 2015.

- Với cam kết của EU, 74% sản phẩm của nhóm này, trong đó có máy vi tính, với mức thuế cơ sở trong khoảng từ 0-6%, sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Các sản phẩm điện tử và linh kiện còn lại, có thuế cơ sở từ 5-14%, sẽ được xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu sau lộ trình từ 3 đến 5 năm.

## (v) Một số sản phẩm khác

Ngoài các nhóm sản phẩm trên, Việt Nam đã và đang xuất khẩu sang EU một số mặt hàng khác với giá trị xuất khẩu tương đối như sản phẩm nhựa, điện thoại và linh kiện, túi xách, ví, va li, mũ, ô dù, sản phẩm sắt thép. Theo cam kết của EU, những mặt hàng này đều sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực từ mức thuế suất cơ sở cụ thể như sau:

- Sản phẩm nhựa: thuế suất cơ sở từ 0-6,5%. Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu 513 triệu USD giá trị các mặt hàng này năm 2015.

- Điện thoại các loại và linh kiện: thuế suất cơ sở từ 0-5%. Trong khoảng 5 năm gần đây, xuất khẩu nhóm sản phẩm này sang thị trường các nước EU tăng trưởng mạnh, từ mức 2,8 tỷ USD năm 2011 lên gần 10 tỷ USD năm 2015.

- Túi xách, ví, va li, mũ, ô dù: thuế suất cơ sở từ 0-10%.

Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu 735 triệu USD giá trị nhóm sản phẩm này.

- Sản phẩm sắt thép: thuế suất cơ sở từ 0-4%. Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu 374 triệu USD giá trị nhóm sản phẩm này.



## **2. 1.Tác động đến NK của Việt Nam từ thị trường EU<sup>[1]</sup>:**

Trên phương diện nhập khẩu, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ EU một số nhóm mặt hàng như: (i) đầu vào cho sản xuất trong nước như máy móc, thiết bị; nguyên phụ liệu dệt may, da giày; phân bón; sản phẩm hóa chất, v.v. (ii) các sản phẩm trong nước chưa sản xuất được nhiều hoặc có chất lượng tốt phục vụ nhu cầu của một bộ phận người tiêu dùng như dược phẩm, ô tô nguyên chiếc và linh kiện, phụ tùng ô tô; v.v. Do đó, các mặt hàng này về cơ bản không cạnh tranh trực tiếp với hàng trong nước. Đây cũng là những mặt hàng các nước EU có thế mạnh và quan tâm tới thị trường Việt Nam.

Cam kết của Việt Nam đối với một số mặt hàng chính như sau:

(i) **Máy móc, thiết bị**

- Năm 2015, Việt Nam nhập khẩu hơn 3,1 tỷ USD máy móc, thiết bị.
- Khoảng 61% nhóm này sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực, các sản phẩm này đã có mức thuế cơ sở thấp từ 0-5%. Các loại máy móc, thiết bị còn lại có thuế cơ sở từ 3-50%, sẽ được đưa về 0% sau lộ trình tối đa 10 năm.

(ii) **Ô tô nguyên chiếc và linh kiện, phụ tùng ô tô; xe máy**

- Năm 2015, giá trị nhập khẩu của Việt Nam đối với nhóm sản phẩm này là khoảng 318 triệu USD (không kể xe máy).
- Đối với ô tô phân khối lớn (trên 2500 cm<sup>3</sup> với xe chạy dầu diesel, trên 3000 cm<sup>3</sup> với xe chạy xăng), Việt Nam cam kết đưa thuế nhập khẩu về 0% sau 9 năm. Đối với các loại ô tô khác, lộ trình cam kết của Việt Nam là 10 năm.
- Các loại phụ tùng ô tô sẽ có thuế nhập khẩu 0% sau 7 năm.
- Xe máy thường và xe máy trên 150 cm<sup>3</sup> sẽ có thuế nhập khẩu 0% sau lộ trình lần lượt là 10 năm và 7 năm.

(iii) **Đồ uống có cồn**

Rượu vang và rượu mạnh sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 7 năm trong khi lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với bia là 10 năm.

(iv) **Các loại thịt sống**

- Thịt lợn: Việt Nam cam kết đưa thuế nhập khẩu về 0% sau 7 năm với 1 số loại thịt lợn đông lạnh và 9 năm đối với các loại thịt lợn khác.
- Thịt gà: Lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu của Việt Nam là 10 năm.
- Thịt bò: Lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu của Việt Nam là 3 năm.

### (v) **Dược phẩm**

- Kim ngạch nhập khẩu dược phẩm từ EU của Việt Nam có xu hướng tăng dần qua các năm, từ khoảng 299 triệu USD năm 2007 lên hơn 1,1 tỷ USD năm 2015.

- Khoảng 71% các sản phẩm dược từ EU sẽ có thuế nhập khẩu 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Phần còn lại sẽ được xóa bỏ thuế quan theo lộ trình từ 5 đến 7 năm.

### (vi) **Hóa chất và sản phẩm hóa chất**

Khoảng 70% nhóm sản phẩm này sẽ được xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Phần còn lại sẽ có thuế suất 0% sau lộ trình tối đa là 7 năm.

### (vii) **Nguyên phụ liệu dệt may, da giày**

- Trong giai đoạn 2007-2015, Việt Nam nhập khẩu trung bình khoảng 180 triệu USD kim ngạch nhóm hàng này. Với việc thuế suất cơ sở từ 0-30% được xóa bỏ trong tương lai, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày từ EU với mức thuế NK thấp hơn, giúp làm hạ giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh, bảo đảm quy tắc xuất xứ. Tốt hơn.

-Với việc thuế suất cơ sở từ 0-30% được xóa bỏ trong tương lai, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da giày từ EU với mức giá hợp lý hơn.

Việc sử dụng nguyên phụ liệu dệt may, da giày của EU sẽ góp phần tăng hàm lượng giá trị nội địa của các sản phẩm dệt may, da giày mà Việt Nam sản xuất để xuất khẩu sang EU. Từ đó, khả năng được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi khi vào thị trường EU cũng cao hơn<sup>[1]</sup>.

Theo cam kết của Việt Nam, khoảng 80% nhóm hàng này sẽ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Phần còn lại sẽ được xóa bỏ thuế sau từ 3 đến 5 năm.

(viii) **Một số mặt hàng khác**

- Sữa và sản phẩm từ sữa: 56% nhóm sản phẩm này sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau 5 năm. Phần còn lại có mức thuế 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực hoặc sau 3 năm.

- Đối với xăng dầu: Việt Nam sẽ xóa bỏ thuế xuất khẩu sau 10 năm. Hiện Hiệp định đang được dự kiến sẽ có hiệu lực vào năm 2018. Như vậy, thuế nhập khẩu xăng dầu từ EU sẽ giảm xuống 0% vào năm 2028 hoặc muộn hơn.

## ***II. Quy tắc xuất xứ.***

- Đê hưởng ưu đãi trong Hiệp định, Doanh nghiệp phải bảo đảm quy tắc xuất xứ theo quy định của Hiệp định. Việt Nam và EU xây dựng quy tắc xuất xứ cụ thể từng mặt hàng (PSR) theo mã HS 8 số theo các tiêu chí (i) giới hạn tỷ lệ nguyên vật liệu không có xuất xứ trong quá trình sản xuất chế biến (ii) Quy tắc chuyển đổi nhóm (HS 4 số) và phân nhóm (HS 6 số) theo mã số HS của sản phẩm cuối cùng so với mã số của nguyên liệu được sử dụng trong sản xuất, chế biến. (iv) công đoạn gia công chế biến thực hiện trên nguyên liệu có xuất xứ thuần túy.
- *Vì vậy, DN cần nắm vững quy tắc xuất xứ áp dụng cho từng sản phẩm cụ thể trong hiệp định khi thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu để được hưởng ưu đãi thuế. Nếu không, doanh nghiệp chỉ được hưởng mức thuế MFN.*

Hiện tại EU đang cho ta hưởng chế độ Ưu đãi thuế quan phổ cập GSP. (Chế độ GSP mới áp dụng từ ngày 1/1/2014 cho tất cả các mặt hàng). *DN cần chú ý: khi Hiệp định có hiệu lực, chế độ này không còn nữa. Quy tắc xuất xứ khi áp dụng thuế GSP khác với quy tắc xuất xứ trong EVFTA (trong đó, quy tắc xuất xứ của sản phẩm may mặc là quy tắc 2 công đoạn-Từ vải trở đi. Quy tắc này khác về bản chất khác với quy tắc xuất xứ sản phẩm dệt may để hưởng GSP. Đây cũng là điều DN cần lưu ý*

### ***-Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ.***

Trong EVFTA, hai bên thỏa thuận cho phép DN tự chứng nhận xuất xứ.

(nhà xuất khẩu tự khai xuất xứ của sản phẩm trong bộ tài liệu nộp cho Hải quan nước Nhập khẩu) mà không phải xin chứng nhận của cơ quan quản lý nếu DN đủ điều kiện.

*Đối với hàng XK từ EU: Lô hàng có giá trị dưới 6.000 Euro, bất kỳ nhà XK nào cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ.*



Những lô hàng trên 6.000, chỉ những DN nào đủ tiêu chuẩn mới được tự chứng nhận xuất xứ. Hiện EU đang xây dựng danh sách nhà XK đăng ký (để được tự chứng nhận xuất xứ.)

*+Đối với hàng XK từ Việt Nam: hiện tại ta chưa áp dụng cơ chế này, mới chỉ triển khai thí điểm cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong ASEAN. Trên cơ sở kết quả thí điểm, Việt Nam sẽ triển khai cơ chế này khi xuất khẩu sang EU vào thời điểm thích hợp. Vì vậy, các DN cần kinh doanh trung thực, kê khai chính xác xuất xứ hàng hóa theo quy định của Hiệp định đối với từng loại sản phẩm để có thể được đưa vào danh sách tự chứng nhận xuất xứ.*

*Doanh nghiệp cũng cần có thái độ hợp tác tốt với các đoàn kiểm tra từ các cơ quan chức năng của Việt Nam và cả EU khi họ có nghi ngờ về gian lận xuất xứ.*

### **III. Hàng tân trang và hàng tái chế.**

Trong EVFTA, sau 3 năm tính từ ngày Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam cho phép nhập hàng tân trang có chất lượng như hàng mới, (với thuế suất như hàng mới) trừ một số sản phẩm được đưa vào danh mục loại trừ. DN cần nắm vững những sản phẩm nào bị loại trừ để thực hiện cho đúng. EVFTA cũng quy định không đánh thuế nhập khẩu đối với hàng hóa tái nhập khẩu sau khi xuất khẩu để sửa chữa.

*Đây cũng là những điểm DN cần lưu ý trong hoạt động XK, NK.*

### **IV. Các biện pháp phi thuế quan**

Ngoài thuế quan, EVFTA có quy định các biện pháp phi thuế quan. DN cần nghiên cứu kỹ các quy định này và gồm:

-Các quy định về cấm trợ cấp XK nông sản để xuất khẩu sang thị trường bên kia, nếu loại nông sản đó đã được bên nhập khẩu xóa bỏ thuế quan.

-hợp pháp hóa lãnh sự.

-ghi nhãn hàng hóa,

-Các biện pháp phi thuế quan theo ngành áp dụng cho ô tô, phụ tùng ô tô, dược phẩm và thiết bị y tế.

Đây là những mặt hàng liên quan đến an toàn và sức khỏe con người.

## **V.Phòng vệ thương mại.**

Ngoài việc quy định những công cụ truyền thống có trong WTO (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) Hiệp định còn quy định những giới hạn sử dụng các công cụ này nhằm tránh lạm dụng, bảo đảm công bằng và minh bạch, tạo môi trường kinh doanh ổn định cho các DN. DN cần lưu ý để có phản ứng hợp lý, bảo vệ quyền lợi của mình.

## **VI.Hàng rào kỹ thuật (TBT) và các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh (SPS)**

EU là thị trường có yêu cầu cao về TBT (trong đó có quy định về sử dụng hóa chất trong sản phẩm) và SPS. *Các DN cần nghiên cứu kỹ các quy định của EU và thường xuyên cập nhật thông tin về các quy định này.*

## **VII.Cải thiện khả năng khai thác thị trường toàn khu vực khi Hiệp định có hiệu lực.**

Mặc dầu EU áp dụng một mức thuế quan chung, kể cả thuế GSP, nhưng các DN Việt Nam lại chưa khai thác hết thị trường của các nước thành viên, nhất là thị trường các nước Đông Âu.

Tỷ trọng XK của Việt Nam vào thị trường 11 nước Đông Âu (kể cả các nước thuộc Liên bang Nam tư cũ) mới chiếm một tỷ lệ rất thấp và có mức chênh lệch nhau rất lớn về kim ngạch XK của Việt Nam vào thị trường các thành viên này (năm 2015 Việt Nam xuất khẩu vào 11 thành viên Đông Âu chỉ là 1 tỷ 697 triệu USD so với tổng kim ngạch XK vào EU là 30 tỷ 940 triệu, chỉ chiếm 5,5%). Đây là một khu vực thị trường lớn, và là thị trường ta đã từng có quan hệ truyền thống, phổ nhu cầu khá rộng, có nhiều thị trường ngách. Nếu DN không quan tâm khai thác sẽ không tận dụng hết cơ hội mà Hiệp định mang lại. *Đây cũng là điều DN cần lưu ý.*

## **B. Mua sắm công.**

Mua sắm công là mua sắm từ Ngân sách hoặc tuy không mua từ tiền ngân sách nhưng do các tổ chức dưới quyền kiểm soát của Nhà nước như DNNN, Bệnh viện công

*Những điều DN cần lưu ý trong chương này:*

1. Nắm vững những đối tượng phải đấu thầu khi mua sắm hàng hóa, dịch vụ và dịch vụ xây dựng; ngưỡng giá trị mua sắm phải đấu thầu và lộ trình áp dụng ngưỡng.

2. Trong EVFTA, ngoài các cơ quan Chính phủ và một số đơn vị sự nghiệp, trong khu vực DN, Việt Nam chỉ có EVN và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là đối tượng phải đấu thầu khi mua sắm.

Tuy nhiên các doanh nghiệp Việt Nam được quyền tham gia đấu thầu để cung cấp hàng hóa dịch vụ và dịch vụ xây dựng vào các nước thành viên khi các chủ thể mà EU đưa vào diện cam kết đấu thầu mua sắm. ***Đây cũng là cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam. DN cần lưu ý: (i) Nắm vững đối tượng và ngưỡng giá trị phải đấu thầu theo cam kết của EU (ii) Nắm vững quy tắc và thủ tục đấu thầu theo HĐ (iii) Để dự thầu, DN cần tiếp cận các báo và trang thông tin điện tử đăng tải các thông tin đấu thầu Của Liên minh Châu Âu và các nước thành viên. (iv) hồ sơ gọi thầu và dự thầu phải lập bằng tiếng Anh (Nếu Brexit thành hiện thực có thể sử dụng ngôn ngữ khác (hiện chưa rõ) (v) thực hiện đấu thầu điện tử.***

3. Cam kết về dược phẩm khi trúng thầu mua thuốc tại các tổ chức quản lý y tế hoặc bệnh viện công.

Cùng với việc DN phải tìm hiểu cam kết của ta về đấu thầu mua thuốc và thiết bị y tế, DN cần lưu ý, Khi DN EU trúng thầu, họ phải chọn DN phân phối thuốc của Việt Nam để đưa thuốc đến bệnh viện.

*Đây cũng là cơ hội kinh doanh cho các DN dược.*

## C. Dịch vụ và đầu tư

Dịch vụ và đầu tư là những nội dung rất quan trọng của Hiệp định. Cam kết về dịch vụ và đầu tư trong EVFTA, sâu rộng và tính minh bạch cao hơn các cam kết của Việt Nam trong WTO (cam kết W+) nhưng vẫn tiếp cận theo phương pháp chọn cho. Các cơ quan quản lý nhà nước phải đọc các cam kết này để cấp phép đầu tư cho đúng cam kết. Các DN đọc cam kết nhằm 2 mục đích (i) tìm cơ hội đầu tư vào các thành viên EU ở những lĩnh vực DN có thế mạnh, nhất là các thành viên Đông Âu (ii) mức độ cạnh tranh của các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ/đầu tư EU với các sản phẩm hàng hóa dịch vụ/ đầu tư của DN mình

.Sau đây là một số nội dung DN cần lưu ý.

*1. Nắm vững các nghĩa vụ chung mà hai bên phải tuân thủ*

*2. Các quy định đối với một số ngành dịch vụ cụ thể (dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, dịch vụ vận tải biển quốc tế.và các cam kết về di chuyển thể nhân.)*

*3. Nắm vững các cam kết trong thương mại điện tử*

*4. Tuy là một thực thể có chính sách chung nhưng cam kết về đầu tư và dịch vụ của các thành viên EU là không giống nhau. Một số nước có những loại trừ trong một số lĩnh vực. Vì vậy, DN phải tìm hiểu danh mục loại trừ của các nước thành viên ghi trong Hiệp định.*



## **D. Sở hữu trí tuệ (SHTT).**

Trong các hiệp định MDTD mới, nhất là các Hiệp định MDTD thế hệ mới (TPP và EVFTA) sở hữu trí tuệ là một nội dung rất quan trọng và được bảo hộ ở mức cao hơn Hiệp định Trips của WTO. Các DN cần nghiên cứu kỹ để không xâm phạm quyền SHTT. *Ngoài ra, các DN cần lưu ý các vấn đề sau đây:*

*1. Nguyên tắc MFN trong SHTT. Điều đó có nghĩa là, dù trong EVFTA không cam kết nhưng nếu có một Hiệp định nào có cam kết sâu rộng hơn hoặc với mức độ cao hơn thì EVFTA cũng áp dụng.*

*2. Trong EVFTA, EU rất coi trọng chỉ dẫn địa lý (GI), thể hiện tính độc đáo về công nghệ sản xuất hoặc điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng riêng có của từng vùng địa lý làm nên sự khác biệt (tốt hơn) so với sản phẩm cùng loại của địa phương khác. Trong EVFTA, ta cam kết bảo hộ 169 GI của các nước thành viên EU, EU bảo hộ 39 GI của Việt Nam (ví dụ nước mắm Phú Quốc, cà phê Buôn Ma Thuột, trà Mộc Châu...) Đây là cơ chế bảo hộ theo HĐ và do đó, mức độ bảo hộ cao hơn do việc hủy bỏ bảo hộ là rất khó khăn.*

Hai bên cũng cam kết xem xét công nhận các GI mới đăng ký sau ngày HĐ có hiệu lực trên cơ sở đồng thuận. Khi một GI được bảo hộ sẽ trở thành một thương hiệu mạnh thu hút người tiêu dùng và khả năng xâm nhập thị trường sẽ tăng lên.

Vì vậy, DN cần *(i) luôn giữ gìn sự độc đáo về công nghệ và bảo đảm đặc thù riêng có của sản phẩm, bảo đảm duy trì chất lượng vốn có. (ví dụ không mở rộng diện tích sang vùng có điều kiện tự nhiên khác với địa phương mình, làm cho sản phẩm không còn giá trị như khi sản xuất tại vùng địa lý mà sản phẩm được bảo hộ (ii) Nếu có một GI mới, DN có thể đăng ký với Cục SHTT để đàm phán với EU xem xét khả năng được công nhận theo Hiệp định.*

3. *Những quy định về thực thi (bao gồm thực thi tại biên giới, thực thi hình sự-Do chế độ MFN). Nếu vi phạm sẽ bị phạt.*

### **E. Chính sách cạnh tranh và DNN.**

Mục tiêu là bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng và minh bạch, không phân biệt đối xử, giữa các DN thuộc các thành phần kinh tế, kể cả DN bên này đầu tư kinh doanh trên thị trường bên kia, trừ những trường hợp được loại trừ đã thỏa thuận trong HĐ.. Nội dung chính sách cạnh tranh liên quan đến nghĩa vụ của các cơ quan Nhà nước. Thực hiện đúng nghĩa vụ, sẽ đặt DN trong môi trường cạnh tranh và chiến lược/kế hoạch tăng trưởng về bản chất là chiến lược nâng cao sức cạnh tranh của DN mình. DN cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của DN trong mối tương quan với DN khác cùng cạnh tranh với DN mình để lựa chọn thị trường mục tiêu, sản phẩm mục tiêu và chọn phương thức cạnh tranh.

*\_Cạnh tranh trên thị trường đã có đối thủ cạnh tranh. Yêu cầu là phải tạo ra sự khác biệt, hoặc*

*Cạnh tranh trên thị trường chưa có đối thủ cạnh tranh: Yêu cầu là đổi mới sáng tạo*

EVFTA quy định quy tắc hoạt động của DNNN và trách nhiệm của các chính phủ phải bảo đảm hoạt động của DNNN theo cơ chế thị trường, dựa trên những tính toán thương mại mà không có sự can thiệp của Nhà nước.. Đối với những ngành, lĩnh vực đã mở cửa theo cam kết, không có sự phân biệt đối xử giữa DN bên này với DN bên kia.

Trong EVFTA ,có các tiêu chí để xác định thế nào là một DNNN. Theo đó, DNNN là doanh nghiệp (bao gồm công ty con) mà trong đó một Bên trực tiếp hoặc gián tiếp: (a) sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc quyền biểu quyết gắn với cổ phần do doanh nghiệp phát hành; hoặc (b) có thể bổ nhiệm đa số thành viên hội đồng quản trị hoặc ban điều hành tương tự của doanh nghiệp; hoặc (c) có thể thực thi quyền kiểm soát đối với các quyết định chiến lược của doanh nghiệp. Tuy vậy, trong vòng 5 năm đầu, sau khi Hiệp định có hiệu lực chỉ có những DN trực thuộc Trung ương đạt ngưỡng doanh thu bình quân trong 3 năm liên tiếp trước khi HĐ có hiệu lực đạt mức 200 triệu SDR (đơn vị tiền tệ thực hiện quyền rút vốn đặc biệt của IMF-1 SDR tương đương với 1,5 USD) mới bị điều chỉnh bởi HĐ

Còn đối với các DNNN thuộc địa phương cùng mức doanh thu thì sau 5 năm mới bị điều chỉnh.

-Các nghĩa vụ chính của Chương về doanh nghiệp nhà nước bao gồm: (i) hoạt động theo cơ chế thị trường, nghĩa là doanh nghiệp có quyền tự quyết định trong hoạt động kinh doanh và không có sự can thiệp hành chính của nhà nước, ngoại trừ trường hợp thực hiện mục tiêu chính sách công; (ii) không có sự phân biệt đối xử trong việc mua bán hàng hóa, dịch vụ đối với những ngành, lĩnh vực đã mở cửa; (iii) minh bạch hóa các thông tin cơ bản của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

*Các nghĩa vụ đối với doanh nghiệp nhà nước không áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước trong các trường hợp: (i) cung cấp dịch vụ thực hiện chức năng của nhà nước; (ii) hoạt động trong ngành mà không cam kết mở cửa; (iii) thuộc các Bộ Công an, Quốc phòng và có hoạt động liên quan đến an ninh/quốc phòng; và (iv) một số hoạt động khác như dầu khí, điện, than, tài chính phát triển, v.v.*

-Trong mối quan hệ với doanh nghiệp nhà nước, Nhà nước có các nghĩa vụ chính là: (i) không được sử dụng doanh nghiệp nhà nước để lẩn tránh các nghĩa vụ đã cam kết trong Hiệp định; (ii) cơ quan quản lý nhà nước cần phải hành xử vô tư, công bằng đối với mọi doanh nghiệp thuộc sự quản lý và không được ưu ái doanh nghiệp nhà nước hơn khi thực thi pháp luật trong các điều kiện tương tự với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

-EU cam kết sẽ hỗ trợ kỹ thuật giúp Việt Nam trong quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước.

*Vì vậy, DN cần nắm vững tiêu chí và ngưỡng doanh thu để biết DN mình có thuộc diện điều chỉnh của HĐ không và điều chỉnh từ thời điểm nào?.*

## **F. Phát triển bền vững.**

Phát triển bền vững đã trở thành một yêu cầu khách quan của nền kinh tế đương đại mà bất kỳ quốc gia nào cũng phải hướng đến. Ba trụ cột chính trong phát triển bền vững là tăng trưởng kinh tế dài hạn, giải quyết những vấn đề xã hội (giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về thu nhập và đời sống giữa các vùng miền và các tầng lớp dân cư và bảo vệ môi trường) EVFTA, tạo cơ hội cho các thành viên tăng trưởng kinh tế; EVFTA cũng đặt ra yêu cầu đối với các nước thành viên (i) bảo đảm quyền của người lao động (giải quyết những vấn đề xã hội) và (ii) bảo vệ môi trường. Để giải quyết nội dung (i) EVFTA yêu cầu các bên phải có những quy định pháp luật để bảo đảm tiền lương và các điều kiện làm việc tối thiểu cho người lao động và cho họ có quyền tự do thành lập tổ chức của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Những yêu cầu này là phù hợp với tuyên bố của ILO mà EU và Việt Nam đều là thành viên và do đó, có trách nhiệm thực hiện.

*Phần thứ ba:*

### **Một số gợi ý về cách nghiên cứu Hiệp định**

Là một Hiệp định MDTD thế hệ mới, EVFTA có nhiều nội dung, dung lượng thông tin đồ sộ . Vì vậy cần có cách nghiên cứu hợp lý. Ở đây xin đưa ra một số gợi ý. Cụ thể nên theo trình tự sau:



*Bước 1: (cho tất cả các DN) đọc toàn văn HĐ, lưu ý xem qua các ghi chú, các bảng biểu, phụ lục để hình dung tổng thể của Hiệp định và mối liên quan giữa các chúng.*

*Bước 2: DN hoạt động lĩnh vực nào thì đọc kỹ lĩnh vực đó và các nội dung liên quan bao gồm cả chú thích, các bảng biểu, phụ lục*

Ví dụ:

-DN kinh doanh XNK, cần đọc kỹ chương thương mại hàng hóa, Quy tắc xuất xứ, các chương Hợp tác Hải quan, Phòng vệ thương mại, TBT, SPS, TMĐT, SHTT, Mua sắm Chính phủ. Dịch vụ phân phối (trong chương dịch vụ và đầu tư), phụ lục về ô tô (nếu DN kinh doanh ô tô) về dược phẩm và thiết bị y tế (nếu DN kinh doanh thuốc và thiết bị y tế)

DN hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ và hoạt động đầu tư phải đọc kỹ chương Dịch vụ và đầu tư, SHTT, Mua sắm Chính phủ (vì có thể tham gia đấu thầu cung ứng dịch vụ và dịch vụ xây dựng)...

# XIN CẢM ƠN

**Liên hệ :**

**Ban Quản lý Dự án EU-MUTRAP**

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội, 49**

**Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

**Tel: (84 - 4) 3937 8472**

**Fax: (84 - 4) 3937 8476**

**Email: [mutrap@mutrap.org.vn](mailto:mutrap@mutrap.org.vn)**

**Website: [www.mutrap.org.vn](http://www.mutrap.org.vn)**

**(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)**